Biểu 10/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**						
1.1	***Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh***						
1	Quy hoạch đất quốc phòng	0.10		0.10		Xã Đức Chánh	
2	Xây dựng công trình phòng thủ trên hướng chủ yếu theo QT	0.10		0.10		Núi Ông Đọ, Xã Đức Phong	
3	Xây dựng công trình chiến đấu	0.40		0.40		Xã Đức Phong	
4	Đường hầm SCH thống nhất (Sh02-QNg12)	100.00		100.00		Đức Phú	
5	Đường vào đường hầm SCH thống nhất (Sh02-QNg12)	6.53		6.53		Đức Phú	
6	Điểm cao có giá trị chiến thuật (xây dựng công trình chiến đấu)	0.12		0.12		Hòn Tre, Xã Đức Hòa	
7	Xây dựng công trình chiến đấu	0.10		0.10		xã Đức Hiệp	
8	Quy hoạch trường bắn	14.68		14.68		xã Đức Lân	
9	Điểm cao có giá trị chiến thuật (xây dựng công trình chiến đấu)	0.10		0.10		xã Đức Lân	
10	Xây dựng công trình chiến đấu	0.10		0.10		xã Đức Lân	
11	Căn cứ chiến đấu mô phỏng	4.60		4.60		Thị trấn Mộ Đức	
12	Xây dựng công trình chiến đấu	0.20		0.20		Thị trấn Mộ Đức	
13	Đất quốc phòng trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	2.63		2.63		Thị trấn Mộ Đức	
14	Xây dựng trụ sở công an xã Đức Nhuận	0.20		0.20		Xã Đức Nhuận	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
15	Xây dựng công trình phòng thủ trên thứ yếu theo QT	0.10		0.10		Xã Đức Minh	
16	Xây dựng công trình chiến đấu	0.70		0.70		Xã Đức Minh	
17	Trụ sở làm việc công an xã Đức Minh	0,13		0,13		Xã Đức Minh	
18	Trụ sở làm việc công an xã Đức Lợi	0.07		0.07		xã Đức Lợi	
19	Trụ sở làm việc công an xã Đức Thắng	0.10		0.10		xã Đức Thắng	
20	Trụ sở làm việc công an xã Đức Chánh	0.11		0.11		Xã Đức Chánh	
21	Trụ sở làm việc công an xã Đức Phong	0.08		0.08		Xã Đức Phong	
22	Trụ sở làm việc công an xã Đức Phú	0.10		0.10		Xã Đức Phú	
23	Trụ sở làm việc công an xã Đức Hòa	0.15		0.15		Xã Đức Hoà	
24	Nhà làm việc công an xã Đức Tân	0.11		0.11		Xã Đức Tân	
25	Mở rộng trụ sở làm việc của công an xã Đức Thạnh	0.07		0.07		xã Đức Thạnh	
26	Trụ sở làm việc công an xã Đức Hiệp	0.09		0.09		xã Đức Hiệp	
27	Trụ sở làm việc công an xã Đức Lân	0.13		0.13		Xã Đức Lân	
28	Trụ sở làm việc Công an huyện Mộ Đức	2.63		2.63		Thị trấn Mộ Đức	
1.2	***Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng***						
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất						
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất						
2	Các công trình, dự án còn lại						

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.1	*Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất*						
1	Khu dân cư xã Đức Lợi	15.00		15.00		Xã Đức Lợi	
2	Khu tái định cư xã Đức Lợi phục vụ GPMB dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1	2.10		2.10		Xã Đức Lợi	
3	Khu dân cư và dịch vụ - thương mại dọc Đường Dung Quất - Sa Huỳnh	20.14		20.14		Xã Đức Lợi	
4	Khu dân cư dọc Kè và trung tâm dịch vụ văn hoá thuỷ sản	4.10		4.10		xã Đức Lợi	
5	Khu dân cư Tân Phú	3.50		3.50		Xã Đức Lợi	
6	Khu dân cư Vùng Ô Rô	6.00		6.00		xã Đức Lợi	
7	Khu dân cư Yên Giang thôn An Mô	7.28		7.28		xã Đức Lợi	
8	Quy hoạch đất ở	0.96		0.96		xã Đức Lợi	
9	Khu dân cư phía Nam Nghĩa trang liệt sỹ	1.00		1.00		Xã Đức Lợi	
10	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1	5.70		5.70		Xã Đức Lợi	
11	Tuyến đường ven biển khu dịch vụ Trùng Dương đi trạm biên phòng	1.96		1.96		xã Đức Lợi	
12	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt Đức Lợi, huyện Mộ Đức	0.10		0.10		Xã Đức Lợi	
13	Hoa viên thôn An Chuẩn	0.28		0.28		xã Đức Lợi	
14	Hoa viên xã Đức Lợi	0.57		0.57		xã Đức Lợi	
15	Hoa viên thôn An Mô	0.12		0.12		xã Đức Lợi	
16	Hoa viên ngã 4 thôn Vinh Phú	0.15		0.15		xã Đức Lợi	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
17	Quy hoạch hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp	0.03		0.03		xã Đức Lợi	
18	Khu tái định cư xã Đức Thắng phục vụ GPMB Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh giai đoạn IIa, thành phần 1	3.60		3.60		xã Đức Thắng	
19	Quy hoạch Khu dân cư và dịch vụ - thương mại ven đường Dung Quất - Sa Huỳnh	29.52		29.52		xã Đức Thắng	
20	Quy hoạch Khu dân cư Soi La	1.39		1.39		xã Đức Thắng	
21	Quy hoạch Khu dân cư Tân Định	2.10		2.10		xã Đức Thắng	
22	Quy hoạch Khu dân cư đường ra bãi tắm Tân Định	3.86		3.86		xã Đức Thắng	
23	Quy hoạch Khu dân cư Trung Nhũi	1.55		1.55		xã Đức Thắng	
24	Quy hoạch Khu dân cư Vườn Mía	0.84		0.84		xã Đức Thắng	
25	Quy hoạch Khu dân cư dọc tuyến đường QL1A - Đá Bạc	5.86		5.86		xã Đức Thắng	
26	Quy hoạch đất ở	1.50		1.50		xã Đức Thắng	
27	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1	10.81		10.81		xã Đức Thắng	
28	Tuyến đường Quốc lộ 1A - Đá Bạc	0.46		0.46		Xã Đức Thắng	
29	Đường bê tông xi măng ngõ Dũng Cống Thoại	0.12		0.12		xã Đức Thắng	
30	Đường giao thông nông thôn dọc Kênh tiêu Cống Dễ	0.05		0.05		xã Đức Thắng	
31	Quy hoạch Đường Tân Định - Thăng Long	0.14		0.14		xã Đức Thắng	
32	Quy hoạch đường Đá Bạc - 3 xã	1.03		1.03		xã Đức Thắng	
33	Quy hoạch đường Thanh Long - Đại Thành	0.09		0.09		xã Đức Thắng	
34	Di chỉ văn hoá Sa Huỳnh	1.50		1.50		xã Đức Thắng	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
35	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Đức Thắng, huyện Mộ Đức	0.22		0.22		xã Đức Thắng	
36	Hệ thống tiêu nước nổi mùa Đông các xã: Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng, Đức Thạnh	4.81		4.81		Xã Đức Thắng; Đức Minh, Đức Phong, Đức Thạnh	
37	Kênh dự trữ nước thôn Dương Quang	0.20		0.20		xã Đức Thắng	
38	Khu nuôi trồng thuỷ sản thôn Dương Quang	6.80		6.80		xã Đức Thắng	
39	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Gia Hoà	0.09		0.09		xã Đức Thắng	
40	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Dương Quang	0.14		0.14		xã Đức Thắng	
41	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn An Tĩnh	0.18		0.18		xã Đức Thắng	
42	Mở rộng nghĩa địa nhân dân thôn Tân Định	13.10		13.10		xã Đức Thắng	
43	Mở rộng Trường mầm non cơ sở 1	0.46		0.46		xã Đức Thắng	
44	Sân vận động thôn Tân Định	0.26		0.26		xã Đức Thắng	
45	Sân vận động thôn Gia Hoà	0.30		0.30		xã Đức Thắng	
46	Sân vận động thôn Dương Quang	0.03		0.03		xã Đức Thắng	
47	Công viên cây xanh Cầu Cao	0.99		0.99		xã Đức Thắng	
48	Xây dựng chùa Sơn Long	0.46		0.46		xã Đức Thắng	
49	Cơ sở Đạo Cao Đài	0.74		0.74		xã Đức Thắng	
50	Khu tái định cư xã Đức Minh phục vụ GPMB đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	2.50		2.50		Xã Đức Minh	
51	Khu dân cư và Thương mại - dịch vụ dọc đường Dung Quất - Sa Huỳnh	161.89		161.89		xã Đức Minh	
52	Đấu giá quyền sử dụng đất KDC (2 vị trí)	5.25		5.25		Xã Đức Minh	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
53	Quy hoạch Khu dân cư (14 vị trí)	5.72		5.72		xã Đức Minh	
54	Quy hoạch đất ở	5.29		5.29		Xã Đức Minh	
55	Quy hoạch Khu dân cư số 19	2.9		2.9		Xã Đức Minh	
56	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, phân đoạn: Đoạn kết nối đến trục Bắc Nam thành phố Vạn Tường, cầu Quỳnh Lưu, Quang Mỹ và đoạn từ Đức Chánh đến ĐT.624C	16.59		16.59		Xã Đức Chánh và Đức Minh	
57	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)	2.29		2.29		Xã Đức Minh	
58	Đường bờ vùng sản xuất nông nghiệp	0.87		0.87		xã Đức Minh	
59	Nhà văn hóa xã Đức Minh	0.24		0.24		xã Đức Minh	
60	Hoa viên thôn Đạm Thuỷ Nam	0.06		0.06		Xã Đức Minh	
61	Hoa viên thôn Minh Tân Bắc	0.30		0.30		Xã Đức Minh	
62	Khu tái định cư xã Đức Chánh phục vụ GPMB Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh giai đoạn IIb	2.20		2.20		Xã Đức Chánh	
63	Khu dân cư và Dịch vụ - Thương mại dọc đường Dung Quất - Sa Huỳnh	60.00		60.00		Xã Đức Chánh	
64	Khu dân cư Ngõ ông Sáu Ca giáp đường tránh đông Quốc lộ 1	0.48		0.48		Xã Đức Chánh	
65	Khu dân cư dọc tuyến đường Văn Bân - Xe Bò	0.98		0.98		Xã Đức Chánh	
66	Khu dân cư ngõ Bà Lin, xã Đức Chánh	1.10		1.10		Xã Đức Chánh	
67	Khu dân cư đấu giá tại khu dân cư số 3, thôn 1	1.49		1.49		Xã Đức Chánh	
68	Khu dân cư đấu giá	1.00		1.00		Xã Đức Chánh	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
69	KDC đấu giá tại thôn 2, xã Đức Chánh	1.51		1.51		Xã Đức Chánh	
70	Khu dân cư An Điền Phước	10.08		10.08		Xã Đức Chánh	
71	Khu dân cư Triền Lâm, thôn 6, xã Đức Chánh	9.06		9.06		Xã Đức Chánh	
72	Khu dân cư Đức Chánh	6.86		6.86		Xã Đức Chánh	
73	Khu dân cư số 22, thôn 4	0.16		0.16		Xã Đức Chánh	
74	Khu dân cư phía Bắc Lỗ Hồ	0.65		0.65		Xã Đức Chánh	
75	Khu dân cư phía Nam tượng đài Mỏ Cày	1.62		1.62		Xã Đức Chánh	
76	Khu dân cư phía Bắc trường Nguyễn Trãi	1.50		1.50		Xã Đức Chánh	
77	Khu dân cư nhà ông Ước	7.04		7.04		Xã Đức Chánh	
78	Khu dân cư phía Bắc trường mầm non điểm 2	1.09		1.09		Xã Đức Chánh	
79	Khu dân cư Gò Mã Rộng	0.62		0.62		Xã Đức Chánh	
80	Khu dân cư dọc theo tuyến đường Quán Lát - Hàm An	0.83		0.83		Xã Đức Chánh	
81	Khu dân cư phía Đông cây xăng Đại Thành	3.00		3.00		Xã Đức Chánh	
82	Quy hoạch đất ở	6.31		6.31		Xã Đức Chánh	
83	Quy hoạch khu dân cư Nam đường Mỏ Cày Phước Sơn	0.20		0.20		Xã Đức Chánh	
84	Quy hoạch khu dân cư số 1	1.90		1.90		Xã Đức Chánh	
85	Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, phân đoạn: Đoạn kết nối đến trục Bắc Nam tp Vạn Tường, cầu Quỳnh Lưu, Quang Mỹ và đoạn từ Đức Chánh đến ĐT.624C	3.36		3.36		Xã Đức Chánh	
86	Tuyến đường vào khu di tích Đền Văn Thánh (giai đoạn 1)	0.56		0.56		Xã Đức Chánh	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
87	Tuyến đường Bầu Súng - biển Đạm Thủy Bắc	2.97		2.97		Xã Đức Chánh	
88	Cụm công nghiệp Quán Lát	3.85		3.85		Xã Đức Chánh	
89	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 4	0.18		0.18		Xã Đức Chánh	
90	Mở rộng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 5	0.46		0.46		Xã Đức Chánh	
91	Mở rộng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 3	0.04		0.04		Xã Đức Chánh	
92	Quy hoạch nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1	0.39		0.39		Xã Đức Chánh	
93	Quy hoạch nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 6	0.28		0.28		Xã Đức Chánh	
94	Quy hoạch nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 1	0.04		0.04		Xã Đức Chánh	
95	Sân vận động thôn 3, xã Đức Chánh	1.00		1.00		Xã Đức Chánh	
96	Xây dựng trụ sở UBND xã Đức Chánh	0.75		0.75		Xã Đức Chánh	
97	Quy hoạch Chùa Phật Học	0.50		0.50		Xã Đức Chánh	
98	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân	4.90		4.90		Xã Đức Chánh	
99	Mở rộng Nghĩa Trang Liệt Sĩ xã	0.30		0.30		Xã Đức Chánh	
100	Quy hoạch nghĩa địa nhân dân núi An Phong	14.78		14.78		Xã Đức Chánh	
101	Quy hoạch nghĩa địa thôn 6	3.15		3.15		Xã Đức Chánh	
102	Mở rộng đền Văn Thánh	1.58		1.58		Xã Đức Chánh	
103	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb: Đoạn ĐT.624C đến Cảng Mỹ Á	10.66		10.66		Xã Đức Minh và Đức Phong	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
104	Tuyến đường sắt cao tốc Nam Bắc	80.51		80.51		Xã Đức Phong; Đức Hòa; Đức Tân; Đức Hiệp; Đức Lân; TT Mộ Đức	
105	Tuyến đường cao tốc Quảng Ngãi-Quy Nhơn	53.30		53.30		Xã Đức Phong; Đức Hòa; Đức Tân; Đức Lân; TT Mộ Đức	
106	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)	0.75		0.75		Xã Đức Phong	
107	Đường nội vùng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Đức Phong	2.07		2.07		Xã Đức Phong	
108	Khu tái định cư phục vụ GPMB Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb: Đoạn ĐT.624C đến Cảng Mỹ Á	2.00		2.00		Xã Đức Phong	
109	Khu dân cư và Thương mại - dịch vụ dọc đường Dung Quất - Sa Huỳnh	269.14		269.14		Xã Đức Phong	
110	Khu dân cư và thương mại - dịch vụ phía Tây đường tránh đông	9.97		9.97		TTMĐ, Đức Phong, Đức Thạnh	
111	Khu dân cư Đồng Nà	2.29		2.29		Xã Đức Phong	
112	Khu dân cư Phú Lộc	1.30		1.30		Xã Đức Phong	
113	Khu dân cư phía Tây quốc lộ 1A	0.54		0.54		Xã Đức Phong	
114	Khu dân cư phía Nam trường mầm non Lâm Hạ	1.90		1.90		Xã Đức Phong	
115	Khu dân cư số 31 (2 vị trí)	1.00		1.00		Xã Đức Phong	
116	Khu dân cư số 12	0.43		0.43		Xã Đức Phong	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
117	Khu dân cư phía Đông cổng chào KDC số 22 - Ông Hoà	1.60		1.60		Xã Đức Phong	
118	Khu dân cư phía Tây nhà ông Bảo	1.01		1.01		Xã Đức Phong	
119	Khu dân cư phía tây cống bà Mô	2.55		2.55		Xã Đức Phong	
120	Quy hoạch đất ở	2.30		2.30		Xã Đức Phong	
121	Quy hoạch KDC ông Bé - ông Đức	1.39		1.39		Xã Đức Phong	
122	KDC phía Nam nhà ông Tiến	0.39		0.39		Xã Đức Phong	
123	Xây dựng đường dây điện 22kv;04kV và Trạm biến áp để phục vụ sản xuất ở xã Đức Phong	0.98		0.98		Xã Đức Phong	
124	Hệ thống tiêu thoát nước lũ mương Chùa, xã Đức Phong. Hạng mục: Kênh tiêu thoát nước và công trình trên mương	0.39		0.39		Xã Đức Phong	
125	Mở rộng chùa Thuỷ Long	0.12		0.12		Xã Đức Phong	
126	Xây dựng trường Trường tiểu học Đức Phong	1.59		1.59		Xã Đức Phong	
127	Mở rộng trường mầm non Đức Phong	0.19		0.19		Xã Đức Phong	
128	Sân vận động xã Đức Phong	3.18		3.18		Xã Đức Phong	
129	Mở rộng Sân vận động thôn Lâm Thượng	0.11		0.11		Xã Đức Phong	
130	Địa đạo Phú Lộc	0.15		0.15		Xã Đức Phong	
131	Di tích bãi biển Tân An	1.49		1.49		Xã Đức Phong	
132	Di tích Hầm Xác Máu	2.00		2.00		Xã Đức Phong	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
133	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)	12.31		12.31		Xã Đức Phú	
134	Đường vào vùng lõi trang trại bò sữa Vinamilk	1.14		1.14		xã Đức Phú	
135	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	0.10		0.10		Xã Đức Phú	
136	Hệ thống tiêu úng cầu nước Nhỉ	0.19		0.19		Xã Đức Phú	
137	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Lỗ Thùng xã Đức Phú	2.62		2.62		Xã Đức Phú	
138	Khu tái định cư thuộc dự án :Tuyến đường vào vùng lõi Trang trại bò sữa vinamilk Quảng Ngãi	0.12		0.12		Xã Đức Phú	
139	Khu dân cư Mẫu Nẫy, thôn Phước Hoà	8.33		8.33		Xã Đức Phú	
140	Khu dân cư nông thôn thôn Phước Vĩnh	5.00		5.00		Xã Đức Phú	
141	Khu dân cư nông thôn thôn Phước Hòa	8.28		8.28		Xã Đức Phú	
142	Khu dân cư nông thôn thôn Phước Lộc	1.67		1.67		Xã Đức Phú	
143	Quy hoạch đất ở	2.80		2.80		Xã Đức Phú	
144	Khu dân cư thôn Phước Đức	2.50		2.50		Xã Đức Phú	
145	Khu dân cư Chợ Đường Mương	0.74		0.74		Xã Đức Phú	
146	Mở rộng Trường Tiểu học Đức Phú	0.13		0.13		Xã Đức Phú	
147	Mở rộng Trường Mầm non Đức Phú	0.11		0.11		Xã Đức Phú	
148	Hợp tác xã nông nghiệp Phước Vĩnh	0.10		0.10		Xã Đức Phú	
149	Điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Phước Hoà	0.01		0.01		Xã Đức Phú	
150	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)	1.99		1.99		Xã Đức Hòa	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
151	Quy hoạch tuyến đường thôn	0.30		0.30		Xã Đức Hoà	
152	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Đức Thạnh - Đức Hòa, huyện Mộ Đức	0.11		0.11		Xã Đức Thạnh - xã Đức Hòa	
153	Mở rộng trường Tiểu học Đức Hòa	0.40		0.40		Xã Đức Hòa	
154	Quy hoạch nuôi trồng thuỷ sản Rộc Kính, Bầu Trai	3.35		3.35		Xã Đức Hoà	
155	Quy hoạch Khu dân cư Phước Điền	0.84		0.84		Xã Đức Hoà	
156	Quy hoạch Khu dân cư Phước Xã	0.57		0.57		Xã Đức Hoà	
157	Quy hoạch Khu dân cư Rộc Hoả, Thôn Phước Tây	1.22		1.22		Xã Đức Hoà	
158	Quy hoạch Khu dân cư Bắc Trung tâm Y Tế Huyện	2.18		2.18		Xã Đức Hoà	
159	Quy hoạch Khu dân cư trung tâm xã	5.82		5.82		Xã Đức Hoà	
160	Quy hoạch Khu dân cư dọc đường An Mỹ	2.19		2.19		Xã Đức Hoà	
161	Quy hoạch Khu dân cư Phía Đông Chợ Ga	4.17		4.17		Xã Đức Hoà	
162	Quy hoạch Khu dân cư Vườn Tứ, thôn Phước An	6.60		6.60		Xã Đức Hoà	
163	Quy hoạch Khu dân cư Đồng Ao, thôn Phước Luông	4.45		4.45		Xã Đức Hoà	
164	Quy hoạch Khu dân cư Phước Toàn	0.41		0.41		Xã Đức Hoà	
165	Quy hoạch Khu dân cư số 1	0.44		0.44		Xã Đức Hoà	
166	Quy hoạch Khu dân cư số 2	0.35		0.35		Xã Đức Hoà	
167	Quy hoạch Khu dân cư số 3	1.13		1.13		Xã Đức Hoà	
168	Quy hoạch đất ở	7.54		7.54		Xã Đức Hòa	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
169	Quy hoạch Khu dân cư và TM - DV Đồng Ngõ	6.27		6.27		Xã Đức Hoà	
170	Quy hoạch trạm y tế xã	0.17		0.17		Xã Đức Hoà	
171	Quy hoạch Sân Vận Động thôn Phước Luông	0.36		0.36		Xã Đức Hoà	
172	Quy hoạch Sân Vận Động thôn Phước Toàn	0.54		0.54		Xã Đức Hoà	
173	Quy hoạch Di Tích Cây Da	0.34		0.34		Xã Đức Hoà	
174	Quy hoạch Mở rộng bãi rác Núi Thị	0.75		0.75		Xã Đức Hoà	
175	Quy hoạch mở rộng nghĩa địa núi Thị	1.13		1.13		Xã Đức Hoà	
176	Quy hoạch mở rộng nghĩa địa Núi Đồi	3.45		3.45		Xã Đức Hoà	
177	Mở rộng nghịa địa Gò Cấm	0.52		0.52		Xã Đức Hoà	
178	Mở rộng nghĩa địa thôn Phước Chánh	0.76		0.76		Xã Đức Hoà	
179	Quy hoạch nghĩa địa núi Long Hội	2.75		2.75		Xã Đức Hoà	
180	Quy hoạch đất sinh hoạt 4 thôn Phước Chánh, Phước An, Phước Điền, Phước Hiệp	0.72		0.72		Xã Đức Hoà	
181	Quy hoạch công viên Cây Xanh	0.59		0.59		Xã Đức Hoà	
182	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)	1.24		1.24		Xã Đức Tân	
183	Công trình: Sửa chữa nâng cấp tuyến đường Tây thị trấn Mộ Đức (đoạn đường tỉnh ĐT.624 C - trường THPT Phạm Văn Đồng), thuộc Dự án: Tuyến đường Đức Tân (Quẹo Thừa Xuân) - Quốc lộ 24	1.71		1.71		Xã Đức Tân	
184	Công trình: Đường Đức Tân - Quốc lộ 24 (đoạn quẹo Thừa Xuân-đường tỉnh ĐT.624C)	2.75		2.75		Xã Đức Tân	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
185	Khu dân cư Phước Hội	9.90		9.90		xã Đức Tân, Đức Thạnh	
186	Khu dân cư và Thương mại - Dịch vụ xã Đức Tân (giai đoạn 2)	9.28		9.28		Xã Đức Tân	
187	Khu dân cư phía Đông cầu Giắt Giây	2.00		2.00		xã Đức Tân	
188	Quy hoạch Khu dân cư (4 vị trí)	2.88		2.88		xã Đức Tân	
189	Quy hoạch khu dân cư đấu giá	3.70		3.70		Xã Đức Tân	
190	Quy hoạch Khu tái định cư	0.13		0.13		Xã Đức Tân	
191	Quy hoạch Khu dân cư sau trường tiểu học	0.25		0.25		Xã Đức Tân	
192	Quy hoạch đất ở	0.88		0.88		Xã Đức Tân	
193	Quy hoạch khu dân cư, thương mại - dịch vụ phía tây Nam Khang	1.06		1.06		Xã Đức Tân	
194	Khu làng nghề cầu Đập	2.28		2.28		Xã Đức Tân	
195	Mở rộng nghĩa địa núi Thị, thôn 7, xã Đức Tân	5.42		5.42		Xã Đức Tân	
196	Mở rộng nghĩa địa núi Miệt	1.15		1.15		Xã Đức Tân	
197	Quy hoạch Khu du lịch sinh thái hồ Đá Bàn	121.81		121.81		xã Đức Tân	
198	Mở rộng bãi xử lý rác thải	0.36		0.36		Xã Đức Tân	
199	Quy hoạch Nhà thờ Trần Cẩm	0.24		0.24		Xã Đức Tân	
200	Mở rộng điểm sinh hoạt cộng đồng	0.03		0.03		Xã Đức Tân	
201	Tuyến đường vào chùa Quang Hiển	0.05		0.05		Xã Đức Tân	
202	Trồng cây cảnh quan khu du lịch cộng đồng xóm Cây Gạo và xóm Thanh Thuỷ thôn 2 xã Đức Tân	2.10		2.10		Xã Đức Tân	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
203	Quy hoạch nuôi trồng thuỷ sản bầu đế	1.10		1.10		Xã Đức Tân	
204	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)	1.52		1.52		Xã Đức Thạnh	
205	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Đức Thạnh - Đức Hòa, huyện Mộ Đức	0.17		0.17		xã Đức Thạnh	
206	Quy hoạch khu dân cư số 6	5.33		5.33		xã Đức Thạnh	
207	Quy hoạch Khu Dân cư Vườn quán	1.28		1.28		xã Đức Thạnh	
208	Quy hoạch khu dân cư tây đường Bàu Súng -Mỹ Hoà	1.10		1.10		xã Đức Thạnh	
209	Quy hoạch khu dân cư số 3	0.57		0.57		xã Đức Thạnh	
210	Quy hoạch khu dân cư Mẫu Ba	7.29		7.29		xã Đức Thạnh	
211	Quy hoạch khu dân cư số 5	1.15		1.15		xã Đức Thạnh	
212	Quy hoạch khu dân cư Bắc và Nam đường Đồng Cát - Đạm Thủy	1.25		1.25		xã Đức Thạnh	
213	Quy hoạch khu dân cư số 7	0.52		0.52		xã Đức Thạnh	
214	Quy hoạch khu dân cư số 8	0.21		0.21		xã Đức Thạnh	
215	Quy hoạch khu dân cư số 9	0.27		0.27		xã Đức Thạnh	
216	Quy hoạch khu dân cư số 10	0.40		0.40		xã Đức Thạnh	
217	Quy hoạch khu dân cư số 11	0.21		0.21		xã Đức Thạnh	
218	Quy hoạch khu dân cư phía nam nhà ông Nhật	1.35		1.35		xã Đức Thạnh	
219	Quy hoạch khu dân cư bắc trung tâm y tế huyện Mộ Đức	0.37		0.37		xã Đức Thạnh	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
220	Quy hoạch khu dân cư số 15	0.29		0.29		xã Đức Thạnh	
221	Quy hoạch đất ở	2.39		2.39		xã Đức Thạnh	
222	Khu dân cư kết hợp TM-DV đông và bắc nhà thờ Nguyễn Đức	9.05		9.05		xã Đức Thạnh	
223	Khu dân cư kết hợp TM-DV bắc Khu dân cư Nam Khang	10.65		10.65		xã Đức Thạnh	
224	Khu dân cư kết hợp TM-DV Nam Thi Phổ	11.72		11.72		xã Đức Thạnh	
225	Mở rộng khu xử lý rác thải	0.91		0.91		xã Đức Thạnh	
226	Quy hoạch nghĩa địa	5.00		5.00		xã Đức Thạnh	
227	Mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Lương Nông Bắc	0.07		0.07		xã Đức Thạnh	
228	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát - Đá Chát), đoạn Km0+00 - Km8+00	3.87		3.87		xã Đức Hiệp	
229	Tuyến đường Trường THPT số 2 Mộ Đức - Nghĩa Lập	0.82		0.82		xã Đức Hiệp	
230	Bê tông xi măng tuyến đường Phước Sơn - An Long	1.28		1.28		xã Đức Hiệp	
231	Bê tông xi măng tuyến đường vào hố xử lý rác thải	0.27		0.27		xã Đức Hiệp	
232	Bê tông xi măng tuyến Phước Sơn - Ti 2	1.36		1.36		xã Đức Hiệp	
233	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Đức Nhuận - Đức Hiệp, huyện Mộ Đức	0.45		0.45		xã Đức Hiệp	
234	Kè chống sạt lỡ sông vệ thôn Nghĩa Lập	2.02		2.02		xã Đức Hiệp	
235	Cụm CN Quán Lát Đức Hiệp	21.91		21.91		xã Đức Hiệp	
236	Quy hoạch khu dân cư Rộc Sau thôn Nghĩa Lập	1.34		1.34		xã Đức Hiệp	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
237	Khu dân cư Đồng vàng	0.86		0.86		xã Đức Hiệp	
238	Khu dân cư Ngõ Lũy	1.24		1.24		xã Đức Hiệp	
239	Khu dân cư Mẫu Bỉnh	1.51		1.51		xã Đức Hiệp	
240	Khu dân cư Chim Chim	0.40		0.40		xã Đức Hiệp	
241	Khu dân cư Cửa Miểu	0.34		0.34		xã Đức Hiệp	
242	Khu dân cư Thổ giữa	1.78		1.78		xã Đức Hiệp	
243	Khu dân cư Bàu Sau	1.47		1.47		xã Đức Hiệp	
244	Khu dân cư Bàu Phú An	4.00		4.00		xã Đức Hiệp	
245	Khu dân cư Bàu Chú Tượng	3.85		3.85		xã Đức Hiệp	
246	Khu dân cư dọc tuyến đường Mõ Cày - Phước Sơn	2.00		2.00		xã Đức Hiệp	
247	Quy hoạch đất ở	2.30		2.30		xã Đức Hiệp	
248	Khu dân cư dọc tuyến đường Bồ Đề - Chợ Vom, thôn Nghĩa Lập	1.34		1.34		xã Đức Hiệp	
249	Mở rộng Nhà văn hóa thôn Chú Tượng	0.07		0.07		xã Đức Hiệp	
250	Mở rộng nhà sinh hoạt văn hóa thôn Phước Sơn	0.06		0.06		xã Đức Hiệp	
251	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân	6.00		6.00		xã Đức Hiệp	
252	Xây dựng khu xử lý rác thải	1.50		1.50		xã Đức Hiệp	
253	Sân vận động thôn Nghĩa Lập	0.20		0.20		xã Đức Hiệp	
254	Sân vận động thôn Phước Sơn	0.20		0.20		xã Đức Hiệp	
255	Khuôn viên cây xanh kết hợp điểm sinh hoạt thể dục thể thao	0.72		0.72		xã Đức Hiệp	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
256	Mở rộng trường tiểu học Đức Hiệp (cơ sở 1)	0.23		0.23		xã Đức Hiệp	
257	Mở rộng kho dự trữ lương thực	2.09		2.09		xã Đức Hiệp	
258	Quy hoạch hợp tác xã nông nghiệp xã Đức Hiệp	0.03		0.03		xã Đức Hiệp	
259	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt Đức Lân, huyện Mộ Đức	0.18		0.18		Xã Đức Lân	
260	Mở rộng Cụm công nghiệp Thạch Trụ (Khu C)	1.40		1.40		Xã Đức Lân	
261	Cụm công nghiệp An Sơn	50.00		50.00		xã Đức Lân	
262	Đường QL24- Chợ Thạch Trụ	0.30		0.30		Xã Đức Lân	
263	Tuyến đường QL 1A (ngõ ông Rân) - Tân Phong	2.70		2.70		Xã Đức Lân	
264	Tuyến đường Chợ Mới - Tân Phong (GĐ 2)	3.07		3.07		Xã Đức Lân	
265	Tuyến Đường Đức Tân - Quốc lộ 24	8.22		8.22		Xã Đức Lân	
266	Khu dân cư và dịch vụ Nam Thạch Trụ	2.25		2.25		xã Đức Lân	
267	Khu dân cư phía Bắc Quốc lộ 24, thôn Thạch Trụ Tây, xã Đức Lân	9.37		9.37		Xã Đức Lân	
268	Khu dân cư Phía Tây Chợ Thạch Trụ	1.15		1.15		Xã Đức Lân	
269	Quy hoạch xây dựng các KDC, điểm dân cư đã có các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu để giao đất có thu tiền sử dụng đất tại xã Đức Lân (8 vị trí)	0.89		0.89		Xã Đức Lân	
270	Đất ở mới trong phân khu xây dựng	15.00		15.00		Xã Đức Lân	
271	Quy hoạch đất ở	19.00		19.00		Xã Đức Lân	
272	QH khu dân cư đấu giá QSD đất	0.15		0.15		Xã Đức Lân	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
273	Mở rộng Khu xử lý rác thải xã Đức Lân	0.49		0.49		xã Đức Lân	
274	Các tuyến giao thông trên địa bàn xã - QHPKXD	10.00		10.00		Xã Đức Lân	
275	Quy hoạch mới nghĩa trang nhân dân tập trung	8.19		8.19		Xã Đức Lân	
276	Quy hoạch Trường Mầm non xã Đức Lân	1.00		1.00		Xã Đức Lân	
277	Sân vận động xã Đức Lân	1.20		1.20		Xã Đức Lân	
278	Sân thể thao thôn Tú Sơn 1	0.52		0.52		Xã Đức Lân	
279	Sân thể thao thôn Tú Sơn 2	0.36		0.36		Xã Đức Lân	
280	Sân vận động thôn Thạch Trụ Đông	0.37		0.37		Xã Đức Lân	
281	Quy hoạch Hoa viên ngã 3 Thạch Trụ	0.30		0.30		xã Đức Lân	
282	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 5	0.01		0.01		Xã Đức Lân	
283	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 4	0.02		0.02		Xã Đức Lân	
284	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 6	0.04		0.04		Xã Đức Lân	
285	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC 11A	0.04		0.04		Xã Đức Lân	
286	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC 18A	0.04		0.04		Xã Đức Lân	
287	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC 16+17	0.02		0.02		Xã Đức Lân	
288	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC 19B	0.03		0.03		Xã Đức Lân	
289	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC 22	0.06		0.06		Xã Đức Lân	
290	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC 24	0.07		0.07		Xã Đức Lân	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
291	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thạch Trụ Đông	0.03		0.03		Xã Đức Lân	
292	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 1	0.08		0.08		Xã Đức Lân	
293	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 15	0.08		0.08		Xã Đức Lân	
294	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tú Sơn 2	0.05		0.05		Xã Đức Lân	
295	Điểm sinh hoạt cộng đồng KDC số 2	0.03		0.03		Xã Đức Lân	
296	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 9	0.14		0.14		Xã Đức Lân	
297	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 12	0.02		0.02		Xã Đức Lân	
298	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 14	0.06		0.06		Xã Đức Lân	
299	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 23	0.02		0.02		Xã Đức Lân	
300	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 20	0.07		0.07		Xã Đức Lân	
301	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 8	0.15		0.15		Xã Đức Lân	
302	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 10	0.07		0.07		Xã Đức Lân	
303	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 19A	0.03		0.03		Xã Đức Lân	
304	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC số 21	0.09		0.09		Xã Đức Lân	
305	Xây dựng Trạm y tế xã	0.30		0.30		Xã Đức Lân	
306	Quy hoạch Hợp tác xã lâm nghiệp	0.60		0.60		Xã Đức Lân	
307	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.624C (Đạm Thủy - Suối Bùn)	1.70		1.70		Thị trấn Mộ Đức	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
308	Đất giao thông trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	30.17		30.17		Thị trấn Mộ Đức	
309	Đất giao thông trong quy hoạch phân khu phía Đông Thị trấn Mộ Đức	7.70		7.70		Thị trấn Mộ Đức	
310	Quy hoạch đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp	10.25		10.25		Thị trấn Mộ Đức	
311	Đất xây dựng trụ sở cơ quan trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	0.25		0.25		Thị trấn Mộ Đức	
312	Sân vận động huyện	2.90		2.90		Thị trấn Mộ Đức	
313	Đất văn hóa trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	1.72		1.72		Thị trấn Mộ Đức	
314	Mở rộng Cụm công nghiệp thị trấn Mộ Đức	19.58		19.58		Thị trấn Mộ Đức	
315	Quy hoạch đất ở mới trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	13.60		13.60		Thị trấn Mộ Đức	
316	Quy hoạch đất ở mới trong quy hoạch phân khu phía Đông Thị trấn Mộ Đức	11.86		11.86		Thị trấn Mộ Đức	
317	Khu dân cư Phú Hòa Nam	1.48		1.48		Thị trấn Mộ Đức	
318	Quy hoạch khu dân cư số 3	1.86		1.86		Thị trấn Mộ Đức	
319	Quy hoạch khu dân cư số 4	2.18		2.18		Thị trấn Mộ Đức	
320	Mở rộng chùa Thiên Phước	0.40		0.40		Thị trấn Mộ Đức	
321	Quy hoạch bãi xử lý rác thải	2.40		2.40		Thị trấn Mộ Đức	
322	Mở rộng nghĩa địa	3.20		3.20		Thị trấn Mộ Đức	
323	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 3	0.26		0.26		Thị trấn Mộ Đức	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
324	Mở rộng nhà sinh hoạt tổ dân phố 2	0.78		0.78		Thị trấn Mộ Đức	
325	Đất giáo dục trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	0.54		0.54		Thị trấn Mộ Đức	
326	Đất giáo dục trong quy hoạch phân khu phía Đông Thị trấn Mộ Đức	1.67		1.67		Thị trấn Mộ Đức	
327	Xây dựng trường Mầm non Thị trấn Mộ Đức	1.20		1.20		Thị trấn Mộ Đức	
328	Đất cây xanh cảnh quan trong Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	6.30		6.30		Thị trấn Mộ Đức	
329	Đất cây xanh trong quy hoạch phân khu phía Đông Thị trấn Mộ Đức	3.63		3.63		Thị trấn Mộ Đức	
330	Đất công trình công cộng khác trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	0.31		0.31		Thị trấn Mộ Đức	
331	Quy hoạch đất nuôi trồng thuỷ sản	5.73		5.73		Thị trấn Mộ Đức	
332	Dự án Kè và khu dân cư Nam sông Vệ	22.00		22.00		Xã Đức Nhuận	
333	Khu tái định cư Tuyến đường Quốc lộ 1A - Đá Bạc	0.40		0.40		xã Đức Nhuận	
334	Quy hoạch đất ở trong quy hoạch chung đô thị mới Nam sông Vệ	57.92		57.92		Xã Đức Nhuận	
335	Khu dân cư và Chợ Đức Nhuận	1.81		1.81		xã Đức Nhuận	
336	Khu dân cư Vườn Tình	0.20		0.20		xã Đức Nhuận	
337	Khu dân cư Gò Xếu, thôn 8	0.77		0.77		xã Đức Nhuận	
338	Khu dân cư Xe Bò, thôn 8	1.72		1.72		xã Đức Nhuận	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
339	Khu dân cư Bàu Chợ	0.93		0.93		xã Đức Nhuận	
340	Khu dân cư khép kín thôn 4	0.07		0.07		Xã Đức Nhuận	
341	Quy hoạch Khu dân cư Bầu Bà Nhung	1.02		1.02		Xã Đức Nhuận	
342	Quy hoạch Khu dân cư Mẩu Cả Trong	2.71		2.71		Xã Đức Nhuận	
343	Quy hoạch đất ở	2.96		2.96		Xã Đức Nhuận	
344	Khu dân cư và TM-DV Soi huyện	10.46		10.46		xã Đức Nhuận	
345	Công trình cấp nước tập trung liên xã Đức Nhuận - Đức Hiệp, huyện Mộ Đức	0.71		0.71		Xã Đức Nhuận	
346	Kè sông Vệ thôn 2+3	1.03		1.03		Xã Đức Nhuận	
347	Kè sông Vệ thôn 5+6+7	0.53		0.53		Xã Đức Nhuận	
348	Mở rộng trường Trung học cơ sở Nguyễn Bá Loan	0.27		0.27		Xã Đức Nhuận	
349	Mở rộng trường Tiểu học Bồ Đề	0.17		0.17		Xã Đức Nhuận	
350	Tuyến đường Quốc lộ 1A - Đá Bạc	4.69		4.69		Xã Đức Nhuận	
351	Tuyến đường Trường THPT số 2 Mộ Đức - Nghĩa Lập	0.27		0.27		Xã Đức Nhuận	
352	Mở mới tuyến đường Năng An - Bồ Đề	0.10		0.10		Xã Đức Nhuận	
353	Quy hoạch đất trụ sở cơ quan trong quy hoạch chung đô thị mới Nam sông Vệ	5.94		5.94		Xã Đức Nhuận	
354	Quy hoạch đất thể thao trong quy hoạch chung đô thị mới Nam sông Vệ	3.82		3.82		Xã Đức Nhuận	
355	Sân vận động thôn 5	0.19		0.19		Xã Đức Nhuận	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
356	Sân vận động thôn 2	0.24		0.24		Xã Đức Nhuận	
357	Sân vận động thôn 1	0.20		0.20		Xã Đức Nhuận	
358	Mở rộng Nghĩa trang Gò Đường	1.63		1.63		Xã Đức Nhuận	
359	Mở rộng nghĩa địa Núi Điệp	0.79		0.79		Xã Đức Nhuận	
360	Mở rộng nghĩa địa Gò Hóc	0.30		0.30		Xã Đức Nhuận	
361	Mở rộng khu xử lý rác thải	0.46		0.46		Xã Đức Nhuận	
362	Mở rộng HTX nấm Đức Nhuận	0.20		0.20		Xã Đức Nhuận	
2.2	***Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất***						
1	Quy hoạch vùng trồng rau sạch Tây An	6.37		6.37		xã Đức Lợi	
2	Khu Thương mại - dịch vụ xóm A	69.79		69.79		xã Đức Lợi	
3	Khu thương mại - dịch vụ biển xã Đức Lợi	3.10		3.10		xã Đức Lợi	
4	Dự án trang trại nông nghiệp Đồng Bàu	4.10		4.10		xã Đức Thắng	
5	Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp sạch Vietgap xứ đồng Mẫu Trại - Bốn Mẫu	11.29		11.29		xã Đức Thắng	
6	Dự án vùng Nông nghiệp hữu cơ thôn Dương Quang	4.37		4.37		xã Đức Thắng	
7	Khu du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh phục hồi chức năng và làm đẹp cao cấp núi Long Phụng	101.48		101.48		xã Đức Thắng	
8	Khu thương mại - dịch vụ dọc Kè Sông Vệ	3.97		3.97		xã Đức Thắng	
9	Khu TM - DV dọc biển Dương Quang - Tân Định	13.73		13.73		xã Đức Thắng	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
10	Khu thương mại - dịch vụ biển	5.20		5.20		xã Đức Thắng	
11	Khu sản xuất nông nghiệp sạch	19.62		19.62		Xã Đức Minh	
12	Quy hoạch Trang trại tổng hợp	4.67		4.67		Xã Đức Minh	
13	Quy hoạch sản xuất nông nghiệp sạch thôn Đạm Thuỷ Bắc	5.7		5.7		Xã Đức Minh	
14	Quy hoạch sản xuất nông nghiệp sạch thôn Minh Tân Nam	2.3		2.3		Xã Đức Minh	
15	Khu thương mại - dịch vụ biển	25.99		25.99		xã Đức Minh	
16	Quy hoạch Trang trại tổng hợp	6.47		6.47		Xã Đức Chánh	
17	Trồng sen kết hợp dịch vụ giải trí, thôn 6, xã Đức Chánh	2.50		2.50		Xã Đức Chánh	
18	Quy hoạch Dự án trồng sen	20.38		20.38		Xã Đức Chánh	
19	Dự án trồng sen, nuôi cá kết hợp du lịch sinh thái Bầu Quán dưới	0.93		0.93		Xã Đức Chánh	
20	Trồng sen kết hợp nuôi cá Bầu Phước Lai thôn 1	2.94		2.94		Xã Đức Chánh	
21	Khu chăn nuôi Rộc Sơn	2.66		2.66		Xã Đức Chánh	
22	Quy hoạch trang trại núi Vân Bân	120.00		120.00		Xã Đức Chánh	
23	Khu Thương mại - Dịch vụ Bắc cửa hàng xăng dầu Quán Lát, xã Đức Chánh	2.16		2.16		Xã Đức Chánh	
24	Quy hoạch Xăng dầu Tự Phú Miền Trung	0.47		0.47		Xã Đức Chánh	
25	Khu thương mại - dịch vụ	23.23		23.23		Xã Đức Chánh	
26	Quy hoạch điểm dừng chân Bắc tượng đài Mỏ Cày thôn 3, Đức Chánh	4.00		4.00		Xã Đức Chánh	
27	Điểm dừng chân Trà Năng thôn 2	1.50		1.50		Xã Đức Chánh	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
28	Cơ sở sữa chữa bảo dưỡng ô tô tại thôn 3, Xã Đức Chánh	0.25		0.25		Xã Đức Chánh	
29	Dự án Trồng và chế biến cây dược liệu kết hợp chăn nuôi gia súc	7.74		7.74		Xã Đức Phong, xã Đức Lân	
30	Nông nghiệp công nghệ cao 4.0 kết hợp du lịch sinh thái nhà vườn	25.73		25.73		Xã Đức Phong	
31	Khu nông nghiệp công nghệ cao (Trần Việt) khu 2	52.29		52.29		Xã Đức Phong	
32	Quy hoạch đất nông nghiệp khác	4.48		4.48		Xã Đức Phong	
33	Quy hoạch trang trại Bầu Bàng	5.05		5.05		Xã Đức Phong	
34	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	35.38		35.38		Xã Đức Phong	
35	Khu du lịch thương mại sinh thái Bầu Tràm	1.29		1.29		Xã Đức Phong	
36	Khu thương mại - dịch vụ Nam Quán Hồng	6.60		6.60		Xã Đức Phong	
37	Khu Thương mại - Dịch vụ (2 vị trí)	1.57		1.57		Xã Đức Phong	
38	Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi	91.96		91.96		Xã Đức Phú	
39	Trang trại chăn nuôi kết hợp trồng cây ăn quả	4.06		4.06		Xã Đức Phú	
40	Quy hoạch đất làm trang trại	39.07		39.07		Xã Đức Phú	
41	Dự án sản xuất gừng thương phẩm theo quy trình VietGap	1.06		1.06		Xã Đức Phú	
42	Quy hoạch Khu thương mại - dịch vụ	1.36		1.36		Xã Đức Phú	
43	Nhà máy nước đá Đức Phú	0.50		0.50		Xã Đức Phú	
44	Quy hoạch Trang Trại Đồng Thượng Lâm	90.73		90.73		Xã Đức Hoà	
45	Quy hoạch trang trại núi Thị	25.23		25.23		Xã Đức Hoà	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
46	Quy hoạch trang trại trồng cây ăn quả	7.91		7.91		Xã Đức Hoà	
47	Quy hoạch Khu Thương mại - Dịch vụ	9.58		9.58		Xã Đức Hoà	
48	Trung tâm giống cây trồng và sinh vật cảnh xã Đức Tân, vị trí 1	0.37		0.37		Xã Đức Tân	
49	Mở rộng Trang trại chăn nuôi gà tổng hợp	2.86		2.86		xã Đức Tân	
50	Trang trại tổng hợp	3.10		3.10		Xã Đức Tân	
51	Khu trang trại trồng cây ăn quả cây sung Hóc Cầu	22.37		22.37		Xã Đức Tân	
52	Khu trang trại trồng cây ăn quả phía tây Núi Miệt	10.61		10.61		Xã Đức Tân	
53	Quy hoạch Khu thương mại - dịch vụ	2.51		2.51		Xã Đức Tân	
54	Quy hoạch vùng trồng rau, củ, quả	56.02		56.02		xã Đức Thạnh	
55	Quy hoạch thương mại - dịch vụ	0.77		0.77		xã Đức Thạnh	
56	Xây dựng khu du lịch, dịch vụ sinh thái rừng Nà	13.62		13.62		xã Đức Thạnh	
57	Quy hoạch Khu Thương mại và dịch vụ	0.13		0.13		xã Đức Hiệp	
58	Khu chăn nuôi tập trung Gò Da	3.60		3.60		xã Đức Hiệp	
59	Khu chăn nuôi tập trung Gò Cừ	2.84		2.84		xã Đức Hiệp	
60	Khu chăn nuôi tập trung Núi Vom	10.00		10.00		xã Đức Hiệp	
61	Quy hoạch vùng cây ăn quả	2.25		2.25		xã Đức Hiệp	
62	Dự án Trồng và chế biến cây dược liệu kết hợp chăn nuôi gia súc	30.38		30.38		xã Đức Lân	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
63	Vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ	16.10		16.10		Xã Đức Lân	
64	Trang trại nông nghiệp Đồng Rộc Họ	14.38		14.38		Xã Đức Lân	
65	Quy hoạch Trang trại Gò Mèn	19.65		19.65		Xã Đức Lân	
66	Khu Thương mại - dịch vụ và khu dân cư Thạch Trụ Tây, xã Đức Lân	7.80		7.80		Xã Đức Lân	
67	Khu thương mại và dịch vụ suối nước nóng Đức Lân	20.00		20.00		Xã Đức Lân	
68	Quy hoạch thương mại - dịch vụ	4.37		4.37		Xã Đức Lân	
69	Các khu TMDV trên địa bàn xã-QHPKXD	1.00		1.00		Xã Đức Lân	
70	Lò giết mổ tập trung	0.50		0.50		Xã Đức Lân	
71	Quy hoạch đất thương mại - dịch vụ trong Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm Thị trấn Mộ Đức	4.05		4.05		Thị trấn Mộ Đức	
72	Showroom ô tô Hồng Trúc	0.18		0.18		Thị trấn Mộ Đức	
73	Quy hoạch Khu Thương mại - dịch vụ Phi Bảo, tổ dân phố 3, thị trấn Mộ Đức	0.85		0.85		Thị trấn Mộ Đức	
74	Quy hoạch Thương mại - Dịch vụ	16.12		16.12		Thị trấn Mộ Đức	
75	Cửa hàng bảo dưỡng và kinh doanh phụ tùng ô tô thị trấn Mộ Đức	0.20		0.20		Thị trấn Mộ Đức	
76	Quy hoạch đất làm trang trại	122.29		122.29		Thị trấn Mộ Đức	
77	Dự án chăn nuôi gia súc chất lượng cao Sông Trà	15.60		15.60		Thị trấn Mộ Đức	
78	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	14.30		14.30		Xã Đức Nhuận	
79	Khu thương mại - dịch vụ Soi huyện	9.04		9.04		Xã Đức Nhuận	
469	**Tổng cộng**	**3,233.33**		**3,233.33**			